TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN TRỤ** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 15-3-2023.
"V/v Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Xuân.

2. Ông Nguyễn Văn Còn.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Trương Thị Luyến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Trụ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Phát- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số 06/2023/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 02 năm 2023 về việc "Ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án xét xử số 08/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đoàn Văn L, sinh năm: 19xx; Địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện C, tỉnh T. Vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 19xx; Địa chỉ: Số xx, khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh L. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Đoàn Văn L có đơn đề nghị vắng mặt nhưng theo đơn khởi kiện có nội dung như sau: Năm 1969, ông và bà Trần Thị T sống chung với nhau, có tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn. Ông và bà T sống chung đến năm 1984 có phát sinh mâu thuẫn nên không sống chung với nhau nữa. Nguyên nhân là ông và bà T bất đồng quan điểm sống. Từ năm 1985 ông đến

sinh sống tại ấp S, xã T, huyện C, tỉnh T và vợ chồng cắt đứt quan hệ tình cảm cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên ông yêu cầu được ly hôn với bà T.

Nuôi con chung: Ông và bà T có 07 con chung tên Đoàn Thanh H, sinh năm 1972; Đoàn Thị T, sinh năm 1973; Đoàn Thị Tr, sinh năm 1976; Đoàn Thị Thu P, sinh năm 1978; Đoàn Thị Phương T1, sinh năm 1981; Đoàn Văn S, sinh năm 1983 và Đoàn Thị D, sinh năm 1985. Các con chung hiện đã trưởng thành và khỏe mạnh, ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chia tài sản chung: Ông L xác định không có.

Nghĩa vụ trả nợ: Ông L xác định không có.

Bị đơn bà Trần Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nhưng tại Biên bản làm việc ngày 27/02/2023 có ý kiến như sau: Bà và ông Đoàn Văn L là vợ chồng sống chung từ năm 1969, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống chung có mâu thuẫn, ông L bỏ đi sống chung với người khác cách đây khoảng 42 năm. Bà và ông L không còn tình cảm nên bà đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông L.

Bà và ông L có 07 con chung tên Đoàn Thanh H, sinh năm 1972; Đoàn Thị T, sinh năm 1973; Đoàn Thị Tr, sinh năm 1976; Đoàn Thị Thu P, sinh năm 1978; Đoàn Thị Phương T1, sinh năm 1981; Đoàn Văn S, sinh năm 1983 và Đoàn Thị D, sinh năm 1985. Các con đã khỏe mạnh và trưởng thành, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chia tài sản: Không có.

Nghĩa vụ trả nợ: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An phát biểu:

- Về hình thức: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách các đương sự, giải quyết vụ án đúng thời hạn quy định. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng đã tuân theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Văn L về việc ly hôn với bà Trần Thị T. Cho ly hôn giữa ông Đoàn Văn L và bà Trần Thị T.

Về án phí: Ông L trên 60 tuổi, có đơn xin miễn án phí nên không phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Đoàn Văn L có đơn yêu cầu Toà án nhân dân huyện Tân Trụ giải quyết ly hôn với bà Trần Thị T và bà T hiện đang sinh sống tại huyện Tân Trụ, tỉnh Long An nên đây là vụ án Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Tân Trụ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

[4] Nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn, vì nhận thấy rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể giải quyết, tình cảm vợ chồng không còn, khả năng vợ chồng đoàn tụ không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông L và bà T cắt đứt quan hệ tình cảm vợ chồng từ năm 1985 cho đến nay. Xét, ông L và bà T sống chung với nhau như vợ chồng vào năm 1969, không có đăng ký kết hôn và có 07 người con chung, con chung lớn nhất tên Đoàn Thanh H, sinh năm 1972 theo quy định tại Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 là hôn nhân hợp pháp, sẽ được giải quyết theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình. Trong quá trình giải quyết, bà T xác định không còn tình cảm với ông L và đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông L nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông L.

[5] Nuôi con chung: Ông L và bà T có các con chung tên Đoàn Thanh H, sinh năm 1972; Đoàn Thị T, sinh năm 1973; Đoàn Thị Tr, sinh năm 1976; Đoàn Thị Thu P, sinh năm 1978; Đoàn Thị Phương T1, sinh năm 1981; Đoàn Văn S, sinh năm 1983 và Đoàn Thị D, sinh năm 1985. Các con chung khỏe mạnh, đã trưởng thành, ông L và bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Chia tài sản chung: Ông L và bà T xác định không có.

[7] Nghĩa vụ trả nợ: Ông L và bà T xác định không có.

[8] Án phí: Ông L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật. Do ông L thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và ông L có đơn yêu cầu nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Văn L về việc "Ly hôn" với bà Trần Thị T.

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Đoàn Văn L và bà Trần Thị T.

2. Án phí: Ông Đoàn Văn L được miễn án phí.

3. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Long An.
-VKSND huyện Tân Trụ.
-THA DS huyện Tân Trụ.
-Các đương sự.
-UBND thị trấn T
- Lưu hồ sơ, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Thoa